

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đình Vang

và bà Phan Thị Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Liên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2023, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Có mặt;

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn H, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình ngày 03 tháng 11 năm 2022. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng duy trì được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột, anh H tỏ ra coi thường chị và không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Bản thân chị đã tạo điều kiện để vợ chồng cùng nhau khắc phục nhưng tình trạng này vẫn không thay đổi. Từ đó cho đến nay vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung.

Xét tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng khắc phục để hàn gắn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai và lời trình bày tại phiên hòa giải, bị đơn anh Lê Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh thống nhất với trình bày của chị H về quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo anh là có nhưng xét thấy anh vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ gia đình. Về con chung, anh thừa nhận vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi tổ chức phiên hòa giải lần 1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh H đều vắng mặt tại các phiên làm việc. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Lê Văn H.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị H và anh Lê Văn H có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền vào năm 2022, vì vậy căn cứ vào các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp; khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa cần xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các đương sự hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Theo chị H trình bày: cuộc sống chung của vợ chồng chỉ duy trì được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh H tỏ ra coi thường chị và không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Theo lời khai của anh H thể hiện anh vẫn còn tình cảm với vợ không có giải pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và cũng không tham gia tố tụng để Tòa án tiến hành hòa giải. Vợ chồng đăng ký kết hôn tháng 11/2022 nhưng đến tháng 12/2022 đã sống ly thân cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ trong để xây dựng hạnh phúc gia đình nên mục đích hôn nhân không thể đạt được. Hiện tại, hai bên cũng không mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, xử cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về quan hệ con chung: Anh H, chị H đều xác nhận vợ chồng không có nên Tòa án không xem xét.

Về quan hệ tài sản: Chị H và anh H không ai có yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Xử buộc chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002673 ngày 03 tháng 01 năm 2023. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Đại Trạch, huyện Bố Trạch;
(GCNKH số 56/2022, ngày 03/11/2022)
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ VA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Quang Minh